

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 25-3-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; HKTT: Ấp RĐ, xã ĐT, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1992; HKTT: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1985; HKTT: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06/11/2020, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên bà H có cho bà Đ và chồng bà Đ là Trần Quốc Tuấn vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 01/7/2020 bà H cho bà Đ và ông T vay 30.000.000 đồng. Khi vay thì bà Đ và ông T có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên. Khi vay thì bà Đ có giao cho bà H giữ 01 sổ tiết kiệm số AB 00005015009 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T (bản chính), 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và 01 bản sao sổ hộ khẩu của vợ chồng bà Đ.

Lần 2: Ngày 12/7/2020 bà H cho bà Đ và ông T vay 130.000.000 đồng. Khi vay thì bà Đ và ông T có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Lần 3: Ngày 14/7/2020 bà H cho bà Đ và ông T vay 30.000.000 đồng. Khi vay thì bà Đ và ông T có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Sau đó bà H được biết người mà bà Đ dẫn đến nhà bà H để vay tiền không phải là ông T chồng của bà Đ. Nên ngày 30/7/2020 bà Đ có làm lại cho bà H giấy mượn tiền chốt lại số tiền đã vay mượn là 190.000.000 đồng. Và bà Đ đã thanh toán cho bà H được số tiền là 20.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà H yêu cầu trả hết một lần.

Đối với 01 sổ tiết kiệm số AB 00005015009 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T (bản chính), 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) thì bà H tôi đồng ý trả lại cho ông T, nhưng bà Đ phải thanh toán hết cho bà H số tiền 170.000.000 đồng.

Ngoài ra bà H không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai ngày 30/10/2020, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (bà Đ) trình bày:*

Bà Đ vay tiền của bà H nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 01/7/2020 bà Đ vay 30.000.000 đồng. Khi vay bà Đ có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên và bà Đ có giao cho bà H giữ 01 sổ tiết kiệm số AB 00005015009 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T (bản chính), 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và 01 bản sao sổ hộ khẩu của vợ chồng bà Đ.

Lần 2: Ngày 12/7/2020 bà Đ vay 130.000.000 đồng và có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Lần 3: Ngày 14/7/2020 bà Đ vay 30.000.000 đồng và có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Tổng cộng bà Đ vay của bà H số tiền là 190.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2020 bà Đ có chốt lại tổng cộng số tiền đã vay của bà H là 190.000.000 đồng. Sau đó bà Đ có trả cho bà H được 20.000.000 đồng. Hiện nay bà Đ còn nợ bà H số tiền là 170.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Đ trả số tiền 170.000.000 đồng thì bà Đ đồng ý, tuy nhiên bà Đ xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Ngoài ra bà Đ không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 06/11/2020, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:*

Ông T không biết việc bà Đ vay tiền của bà H. Bà Đ tự ý lấy sổ tiết kiệm, giấy chứng nhận kết hôn giao cho bà H, ông T không biết. Nay bà H yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền 170.000.000 đồng thì ông T không đồng ý trả vì số tiền này tự bà Đ vay mượn ông không biết. Riêng sổ tiết kiệm số AB 00005015009 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T, 01 giấy chứng nhận kết hôn thì ông T yêu cầu bà H trả lại bản chính cho ông T.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện bà Đ yêu cầu thanh toán số tiền là 170.000.000 tiền gốc theo giấy mượn tiền ngày 30/7/2020. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1992; HKTT: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. nên

vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H, ông T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bà Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Bà H có cho bà Đ vay tiền nhiều lần. Ngày 30/7/2020 bà Đ và bà H có chốt lại số tiền vay là 190.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ đã thanh toán cho bà H được số tiền là 20.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền là 170.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà Đ thừa nhận các lần vay tiền, số tiền vay, số tiền đã thanh toán và số tiền hiện nay còn nợ là 170.000.000 đồng. Bà Đ đồng ý thanh toán số tiền còn nợ cho bà H, nhưng bà Đ yêu cầu được trả dần hàng tháng là 1.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà H cho bà Đ vay tổng cộng 190.000.000 đồng và bà Đ thừa nhận có vay số tiền này. Do đó quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là vay tài sản. Theo giấy mượn tiền ngày 30/7/2020 thì bà Đ hứa đến ngày 30/8/2020 sẽ thanh toán hết số tiền nên thuộc hợp đồng vay có thời hạn.

[2.2] Xét thấy các giấy mượn tiền ngày 01/7/2020; ngày 12/7/2020; ngày 14/7/2020 và 30/7/2020 do nguyên đơn cung cấp là bản chính. Mặc khác, bà Đ thừa nhận có vay của bà H tổng số tiền là 190.000.000 đồng và các giấy nợ đề ngày 01/7/2020; ngày 12/7/2020; ngày 14/7/2020 và 30/7/2020 là do bà viết, ký tên. Do đó thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng. Bà Đ đồng ý trả nên ghi nhận.

[2.3] Về phương thức thanh toán: Theo giấy mượn tiền ngày 30/7/2020 (giấy chốt lại số tiền bà Đ đã vay) thì bà Đ hứa đến ngày 30/8/2020 sẽ thanh toán hết số tiền cho bà H. Tuy nhiên bà Đ thanh toán chỉ có 20.000.000 đồng. Bà Đ còn nợ lại số tiền 170.000.000 đồng. Theo Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do đó, bà Đ phải có trách nhiệm trả đủ số tiền 170.000.000 đồng cho bà H. Việc bà Đ xin trả dần hàng tháng 1.500.000 đồng là không phù hợp nên không chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: Bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Đối với 01 sổ tiết kiệm số AB 00005015009 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T (bản chính), 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) thì bà H đồng ý trả lại cho ông T nên ghi nhận.

[4] Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2020 bà H yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền là 190.000.000 đồng. Ngày 06/11/2020 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 20.000.000 đồng nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 20.000.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà H.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Anh Đ.

Buộc bà Nguyễn Anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc hoàn trả cho ông Trần Quốc T: 01 sổ tiết kiệm số AB 00005015009 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T (bản chính), 01 giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 20/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã Định Hiệp (bản chính).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Anh Đ về số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Anh Đ phải chịu 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại cho bà Trần Thị H 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045102 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh